

Số 427/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, điều chỉnh lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ- CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT- VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ- CP 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3859/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 890/TTr- STNMT ngày 30 tháng 9 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là 25 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

- Ban hành mới: 03 quy trình cấp tỉnh (01 quy trình lĩnh vực đất đai, 02 quy trình lĩnh vực địa chất khoáng sản).

- Thay thế 21 quy trình được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 23/3/2020, trong đó: lĩnh vực đất đai 18 quy trình (07 quy trình cấp tỉnh và 11 quy trình cấp huyện), lĩnh vực môi trường 03 quy trình cấp tỉnh. Cụ thể:

+ Lĩnh vực đất đai: thay thế 07 quy trình cấp tỉnh số: 1, 10, 11, 12, 19, 20, 26) và 11 quy trình cấp huyện số: 1, 2, 3, 9, 12, 13, 14, 15, 22, 28, 29 theo danh mục ban hành tại Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Lĩnh vực môi trường: thay thế 03 quy trình cấp tỉnh số 3, 7, 8 theo danh mục ban hành tại quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Điều chỉnh tên 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai cấp huyện: quy trình số 10 theo danh mục ban hành tại quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(Danh mục và nội dung chi tiết quy trình kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; các nội dung khác của Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, điều chỉnh lĩnh vực tài nguyên và môi trường lên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) trong 10 ngày sau khi Quyết định có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính ;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, KTN, HCTC.



Cao Tiến Dũng



**PHẦN I: DANH MỤC QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021
của UBND tỉnh Đồng Nai)

1. Danh mục quy trình giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới

STT	Tên Quy trình hành chính		Trang
A	CẤP TỈNH		
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI		
1	36	Quy trình Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1
II	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT - KHOÁNG SẢN		
2	1	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	3
3	2	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	5

2. Danh mục quy trình giải quyết thủ tục hành chính thay thế

STT	Tên Quy trình hành chính		Trang
A	CẤP TỈNH		
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI		
1	1	Quy trình thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	7

2	10	Quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.	10
3	11	Quy trình Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	11
4	12	Quy trình Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	12
5	19	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất	16
6	20	Quy trình Đăng ký chuyển mục đích không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	18
7	26	Quy trình Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	20
II		LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG	
8	5	Quy trình thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)	21
9	7	Quy trình Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	23
10	8	Quy trình Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	25
B		CẤP HUYỆN	

I		LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI	
11	1	Quy trình thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	27
12	2	Quy trình giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	28
13	3	Quy trình chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	30
14	9	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	32
15	12	Quy trình Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận.	35
16	13	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	45
17	14	Quy trình Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	47
18	15	Quy trình Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	49
19	22	Quy trình Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	51

20	28	Quy trình Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	53
21	29	Quy trình Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện "dồn điền đổi thửa" (đồng loạt)	54

3. Danh mục quy trình giải quyết thủ tục hành chính điều chỉnh tên

STT		Tên Quy trình hành chính	
B		CẤP HUYỆN	
I		LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI	
1	10	Quy trình Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	